

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/10/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y689J0309

Mã KQ/ RP. No: 002009135.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÀ DU LỊCH TỔNG HỢP NGỒI HOA**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Xóm Nê, Xã Suối Hoa, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **16/10/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **16/10/2024 - 26/10/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **CÁ XÔNG KHÓI**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi hút chân không**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tạp chất/ Impurities	Không có tạp chất	-	-	TS-KT-HCB-164:2024 (Ref. TCVN 12389:2018)
2	Trạng thái/ Characteristic	Dạng mềm, không có tạp chất lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2024 (Ref. TCVN 12389:2018)
3	Màu sắc/ Colour	Sản phẩm có màu nâu cam	-	-	TS-KT-HCB-164:2024 (Ref. TCVN 12389:2018)
4	Mùi, vị/ Odor, taste	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2024 (Ref. TCVN 12389:2018)
5	Độ ẩm (*)/ Moisture (*)	50.8	%	-	TS-KT-HCB-005:2020
6	Hoạt độ nước (*)/ Water activity (*)	0.91	-	-	AOAC 978.18
7	Tro không tan trong HCl (*)/ Ash insoluble in HCl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.02	TS-KT-HCB-007:2020 (Ref. AOAC 920.46)
8	Tổng bazơ nitơ dễ bay hơi (TVB-N) (*)/ Total volatile base nitrogen (TVB-N) (*)	94.8	mg/100g	-	TS-KT-HCB-98:2020
9	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	< 10	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
10	Coliforms (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
11	Escherichia coli (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
12	Staphylococcus aureus (*)	< 10	CFU/g	-	AOAC 975.55
13	Clostridium perfringens (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)

MSC No. 01

VĂN PHÒNG CÔNG CẬP TIN P
HÒA BÌNH

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by th customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-C

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/10/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y689J0309

Mã KQ/ RP. No: 002009135.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương-Pháp Thử/ Test Method
14	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
15	Vibrio parahaemolyticus (*)	< 10	CFU/g	-	NMKL 156:1997
16	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
17	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	0.130	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
18	Methyl thủy ngân (CH ₃ Hg) (*) ^(s) / Methyl mercury (CH ₃ Hg) (*) ^(s)	0.058	mg/kg	-	TS-KT-QP-88:2024 (Ref. AOAC 988.11, IMEP-115)
19	Béo tổng (*)/ Total fat (*)	7.79	%	-	TS-KT-HCB-002:2020
20	Đạm tổng (*)/ Total protein (*)	41.1	%	-	TS-KT-HCB-001:2020

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Ngày: 21-11-2024

Số chứng thực: 1793. Quyền số: SCT/BS

LÝ BÁ Hào



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Xuân Chiến



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y254K1526

Mã KQ/ RP. No: 001086897.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÀ DU LỊCH TỔNG HỢP NGỒI HOA**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Xóm Nè, Xã Suối Hoa, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/11/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/11/2024 - 11/11/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **CÁ MỘT NẶNG 1**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi hút chân không**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	0.026	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Ly Ba Hao

LÝ BÁ HẢO

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 18-11-2024

Số chứng thực *9203*..... Quyển số *04*..... SCT/BS

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



NGUYỄN TÂN CƯỜNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Tuấn Long

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y254K1526

Mã KQ/ RP. No: 002086898.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÀ DU LỊCH TỔNG HỢP NGÒI HOA**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Xóm Nè, Xã Suối Hoa, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/11/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/11/2024 - 11/11/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **CÁ MỘT NẮNG 2**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi hút chân không**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 18-11-2024

Số chứng thực: 9704... Quyền số: 004... SCT/BS



TÂN CƯỜNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Tuấn Long

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y254K1526

Mã KQ/ RP. No: 002086898.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÀ DU LỊCH TỔNG HỢP NGÔI HOA
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Xóm Nè, Xã Suối Hoa, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 08/11/2024 - 11/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : CÁ MỘT NẮNG 2
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi hút chân không
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Ly Ba Hao

LÝ BÁ HẢO

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 18-11-2024

Số chứng thực: 92.024... Quyền số: 04... SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Tuấn Long

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.9/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y254K1526

Mã KQ/ RP. No: 001086897.00

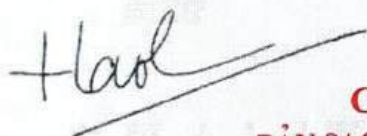
- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÀ DU LỊCH TỔNG HỢP NGÒI HOA
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Xóm Nè, Xã Suối Hoa, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 08/11/2024 - 11/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : CẢ MỘT NẰNG 1
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi hút chân không
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	0.026	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



LÝ BÁ HÀO

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 18-11-2024

Số chứng thực.....9703.....Quyển số.....04.....SCT/BS

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR




HÀNG NH TÂN CƯỜNG



**CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Tuấn Long**

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/10/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y689J0309

Mã KQ/ RP. No: 001009134.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÀ DU LỊCH TỔNG HỢP NGÒI HOA**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Xóm Nè, Xã Suối Hoa, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **16/10/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **16/10/2024 - 26/10/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **CÁ MỘT NANG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi hút chân không**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tạp chất/ Impurities	Không có tạp chất	-	-	TS-KT-HCB-164:2024 (Ref. TCVN 12389:2018)
2	Trạng thái/ Characteristic	Dạng nguyên con, mềm, không có tạp chất lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2024 (Ref. TCVN 12389:2018)
3	Màu sắc/ Colour	Sản phẩm có màu xám đen	-	-	TS-KT-HCB-164:2024 (Ref. TCVN 12389:2018)
4	Mùi, vị/ Odor, taste	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2024 (Ref. TCVN 12389:2018)
5	Độ ẩm (*)/ Moisture (*)	24.1	%	-	TS-KT-HCB-005:2020
6	Béo tổng (*)/ Total fat (*)	15.0	%	-	TS-KT-HCB-002:2020
7	Đạm tổng (*)/ Total protein (*)	50.8	%	-	TS-KT-HCB-001:2020
8	Hoạt độ nước (*)/ Water activity (*)	0.86	-	-	AOAC 978.18
9	Tro không tan trong HCl (*)/ Ash insoluble in HCl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.02	TS-KT-HCB-007:2020 (Ref. AOAC 920.46)
10	Tổng bazơ nitơ dễ bay hơi (TVB-N) (*)/ Total volatile base nitrogen (TVB-N) (*)	119	mg/100g	-	TS-KT-HCB-98:2020
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	< 10	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
12	Coliforms (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
13	Escherichia coli (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)



Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/10/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y689J0309

Mã KQ/ RP. No: 001009134.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
14	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	< 10	CFU/g	-	AOAC 975.55
15	<i>Clostridium perfringens</i> (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
16	<i>Salmonella</i> spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
17	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)	< 10	CFU/g	-	NMKL 156:1997
18	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	0.025	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
19	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	0.037	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
20	Methyl thủy ngân (CH ₃ Hg) (*) ^(s) / Methyl mercury (CH ₃ Hg) (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.017 (< LOQ = 0.03)	mg/kg	0.01	TS-KT-QP-88:2024 (Ref. AOAC 988.11 IMEP-115)

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (^s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (^s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Ngày: 21-11-2024

Số chứng thực: 1014. Quyền số: 08...SCT/BS

LÝ BÁ HÀO



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Xuân Chiến



HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-C